

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn của Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn hợp ngày 04 tháng 6 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn (đã được chỉnh sửa, bổ sung) kèm theo Văn bản số 41/2020/CV-HACOMNT ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3128/TTr-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn của Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô B2,

Khu công nghiệp Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương; Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam; Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và PCT UBND tỉnh (N.L.Biên);
- Chủ dự án (3b);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, Hào.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÊ TÔNG CÁC LOẠI VÀ CÁC CẤU KIỆN ĐÚC SẴN

(Kèm theo Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn”.

- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận.

- Địa điểm thực hiện tại: Lô B2, Khu công nghiệp Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất của Dự án: 10.950 m².

- Quy mô, công suất: Sản xuất bê tông thương phẩm với công suất 1.692 tấn/ngày; bê tông nhựa nóng với công suất 1.280 tấn/ngày; gạch không nung với công suất 2.000.000 viên/năm; gạch Terrazzo với công suất 1.000.000 viên/năm và công ly tâm với công suất 2.133 tấn/năm.

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án: Sử dụng máy móc, thiết bị (điều khiển tự động) để phối trộn các loại nguyên liệu như cát, đá, xi măng, nhựa đường, nước và phụ gia để tạo ra bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, gạch không nung, gạch Terrazzo, công ly tâm thương phẩm cung cấp cho thị trường.

1.3. Các hạng mục, công trình chính của Dự án, bao gồm: 01 trạm trộn bê tông tươi, 01 trạm trộn bê tông nhựa nóng, 01 xưởng sản xuất gạch không nung, 01 sản xuất xưởng gạch Terrazzo, 01 xưởng sản xuất công ly tâm và 01 nhà điều hành.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Giai đoạn xây dựng*: Chủ yếu là tác động do bụi, tiếng ồn, khí thải phát sinh từ quá trình tập kết, bốc xúc, vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và nước thải sinh hoạt của công nhân.

- *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Chủ yếu là tác động do bụi, tiếng ồn, khí thải phát sinh từ quá trình tập kết, bốc xúc, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, cấp cốt liệu vào các phễu tiếp liệu; bụi, khí thải từ trạm trộn bê tông nhựa nóng; nước thải từ quá trình rửa cối trộn, xe bồn, vệ sinh máy móc, thiết bị, tháp rửa khí và nước thải sinh hoạt của công nhân.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

h

a) *Giai đoạn xây dựng*: Chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng phát sinh khoảng $1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$, có thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Coliform...

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- Nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $1,25 - 2,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Coliform...

- Nước thải sản xuất: Lượng nước thải sản xuất từ trạm trộn bê tông phát sinh khoảng $7,2 - 14 \text{ m}^3/\text{ngày}$ có thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng và nước thải từ tháp rửa khí.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn

a) *Giai đoạn thi công*: Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng; đào đất móng 02 trạm trộn bê tông, ao xử lý nước thải; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị...

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Bụi, tiếng ồn, khí thải (CO, SO₂, NO_x) phát sinh từ quá trình vận chuyển, xúc bốc nguyên vật liệu, cấp cốt liệu vào các phễu tiếp liệu, quá trình trộn nguyên liệu tại cối trộn; quá trình sàng, sấy vật liệu và nấu nhựa đường để sản xuất bê tông nhựa nóng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) *Giai đoạn thi công*:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng $15 \text{ kg}/\text{ngày}$ với thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa, bao bì.

- Chất thải rắn xây dựng khoảng $2,5 \text{ tấn}/\text{tháng}$. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá, sắt thép vụn, mảnh gỗ hư hỏng.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng $12,5 - 22,5 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn và thức ăn dư thừa.

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh chủ yếu gồm cặn lắng từ quá trình nạo vét hồ lắng, túi vải lọc bụi tại si lô xi măng... với khối lượng khoảng $179 - 343 \text{ kg}/\text{ngày}$.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) *Giai đoạn thi công*: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng $47 \text{ kg}/\text{tháng}$. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng $85,5 - 168 \text{ kg}/\text{tháng}$. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, bình ắc quy, bùn từ hệ thống xử lý khí thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) *Giai đoạn thi công*: Xây dựng 01 bể tự hoại có dung tích 12,6 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt công nhân. Quy trình xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 03 ngăn → nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → tái sử dụng để tưới ẩm khu vực Dự án (không thải ra ngoài).

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- Nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng 01 bể tự hoại đã xây dựng trong giai đoạn thi công để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân tại Dự án. Quy trình xử lý và tái sử dụng nước thải tương tự như giai đoạn thi công.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ trạm trộn bê tông tươi: Được xử lý bằng phương pháp lắng theo quy trình: Nước thải sản xuất của dự án → hồ thu → hồ lắng 2 ngăn → ao chứa tạm → tái sử dụng cho hoạt động sản xuất (không thải ra ngoài).

+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của trạm trộn bê tông nhựa nóng được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.

3.2. Về giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung:

a) *Giai đoạn thi công*: Phun nước tạo độ ẩm trên toàn bộ bề mặt thi công, tuyến đường vận chuyển nội bộ, tần suất phun tối thiểu 04 lần/ngày với mức phun 20 m³/ngày; che chắn công trình xây dựng để hạn chế lượng bụi phát tán ra môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực xung quanh; che phủ thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu nhằm hạn chế bụi phát tán; bố trí thời gian vận chuyển của các phương tiện hợp lý.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

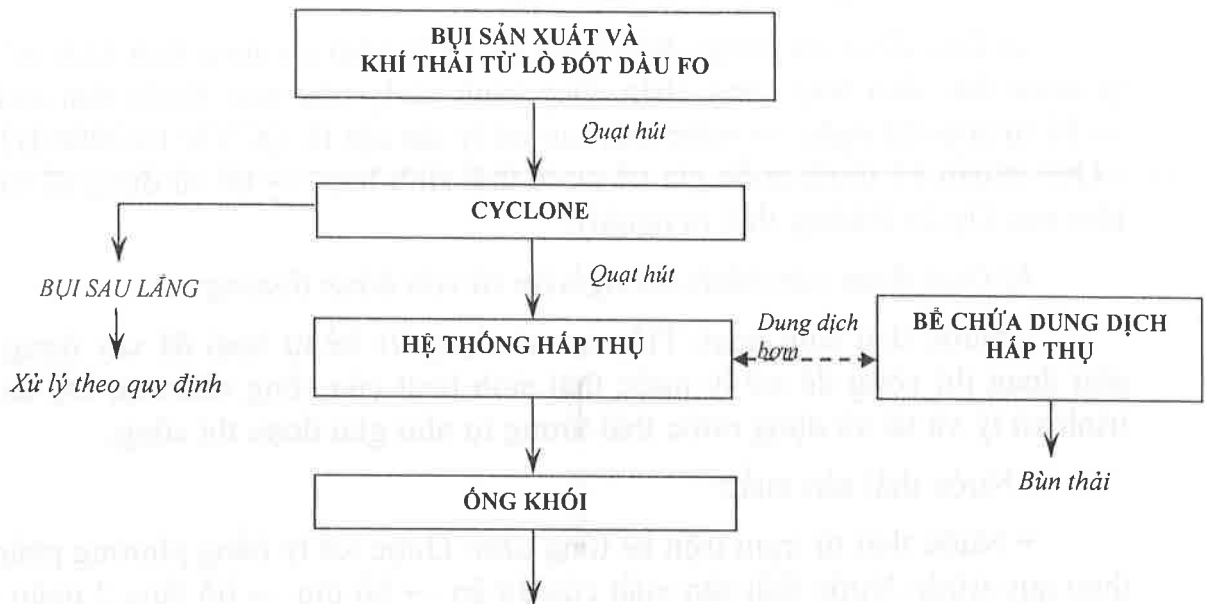
- Phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực nạp liệu của trạm trộn bê tông thương phẩm với lượng nước đập bụi khoảng 7 m³/ngày; tạo độ ẩm tại khu vực bãi tập kết vật liệu cát, đá với tần suất phun 02 lần/ngày với mức phun khoảng 13 m³/lần.

- Bố trí 03 hệ thống lọc bụi tại các xyclo chứa xi măng của trạm trộn nhằm hạn chế bụi phát sinh từ quá trình nạp xi măng.

- Trồng cây neem trên diện tích 1.140 m² với tổng số cây 251 cây.

- Xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng bằng xyclon khô và hệ thống hấp thụ khí thải. Khí thải của trạm trộn bê tông nhựa nóng sau xử lý sẽ đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng:



Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung vào 05 thùng rác dung tích 120 lít đặt tại khu vực thi công, sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại và Sản xuất Nam Thành hoặc đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định, tần suất thu gom 1 lần/ngày.

- Các loại chất thải như sắt, thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung vào 05 thùng rác dung tích 60 lít và 02 thùng rác dung tích 120 lít đặt tại khu vực sản xuất, khu nhà văn phòng và nhà bảo vệ, sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất Nam Thành hoặc đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định, tần suất thu gom 1 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất: Đối với vải lọc bụi tại si lô chứa xi măng được thu gom, xử lý chung với rác thải sinh hoạt. Đối với cặn lắng từ hồ chứa nước sau khi lắng được nạo vét định kỳ 01 tuần/lần và được chứa trong kho lưu chứa với diện tích 40 m². Toàn bộ lượng cặn lắng này được tái sử dụng cho quá trình sản xuất, san lấp cho các dự án của Công ty hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu san lấp.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

B

a) *Giai đoạn thi công*: Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 9 m² để lưu chứa chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

b) *Giai đoạn vận hành*: Tiếp tục sử dụng lại kho lưu chứa chất thải nguy hại đã được đầu tư trong giai đoạn xây dựng để lưu chứa chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với bộ lọc túi vải tại đỉnh si lô bị thủng: Thường xuyên kiểm tra các mối hàn tại si lô chứa xi măng; thay túi vải lọc định kỳ 03 tháng/lần; bố trí người giám sát trong quá trình bơm xi măng vào si lô, nếu có sự cố sẽ dừng ngay việc bơm xi măng vào si lô để khắc phục sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó nhiên liệu chảy tràn: Tại khu vực bồn chứa dầu, Dự án có bố trí rãnh thu bằng bê tông xung quanh khu vực bồn chứa dầu để thu gom dầu trong trường hợp xảy ra sự cố chảy tràn, rò rỉ dầu.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, đồng thời phối hợp chặt chẽ với bộ phận phòng cháy chữa cháy của khu vực để lập kế hoạch triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn cho công tác phòng, chống cháy nổ.

- Khi hệ thống xử lý khí thải bị sự cố ngưng hoạt động, chủ đầu tư sẽ cho ngừng vận hành trạm trộn và kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục kịp thời. Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng tháp hấp thụ, kiểm tra các chi tiết của hệ thống trước khi vận hành để hạn chế tối đa các trục trặc xảy ra.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

a) *Giai đoạn thi công*:

- 01 bể tự hoại có dung tích 12,6 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt;

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 9 m².

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- 01 bể tự hoại có dung tích 12,6 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt (đã được xây dựng trong giai đoạn thi công).

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 9 m² (đã được xây dựng trong giai đoạn thi công).

- 03 bộ lọc túi vải tại 03 si lô chứa xi măng.

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải tại trạm trộn bê tông nhựa nóng.

- 01 hệ thống ao xử lý nước thải của trạm trộn bê tông tươi (bao gồm: 01 hồ thu nước 9 m³, hồ lắng 02 ngăn 31,5 m³ và 01 ao chứa nước (sau lắng) 1.200 m³).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Thông số: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂ và tiếng ồn.
- Vị trí: Tại ranh giới đầu hướng gió và tại ranh giới cuối hướng gió của Dự án (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT

5.2. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Đối với môi trường không khí xung quanh:

- Thông số: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂ và tiếng ồn.
- Vị trí: Tại ranh giới đầu hướng gió và tại ranh giới cuối hướng gió của Dự án (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

5.3.2. Đối với khí thải tại nguồn:

- Thông số: Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí: Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý khí thải của trạm trộn bê tông nhựa nóng.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 0,9$, $k_v = 1$).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, tiếng ồn tại báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và bảo đảm bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án không làm ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng phải được xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) trước khi thải ra môi trường bên ngoài và đảm bảo chất lượng môi trường không khí đạt QCVN

h

06:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh*).

- Toàn bộ chất thải thông thường; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát; đồng thời, đảm bảo kinh phí để thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường./.



b

